

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/HS-PT

Ngày: 08 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôr;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Bích C và 02 bị cáo khác, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Bích C - Sinh ngày 08/3/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (đã chết) và bà Đinh Thị H, sinh năm 1961; bị cáo có chồng là Nguyễn Việt T1, sinh năm 1985, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Thu U - Sinh ngày 11/4/1989, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện tại: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Y, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thu U1, sinh năm 1964; bị cáo có chồng là Bùi Mạnh C1, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Mạnh C1 (tên gọi khác: Đ) - Sinh ngày 13/4/1987, tại tỉnh Đắk Lắk;

nơi cư trú: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc H1 và bà Bùi Thị H2 (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị Thu U, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 43/2018/HS-PT ngày 06/02/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Bích C:

- Luật sư Đoàn Quang H3 - Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Luật sư Nguyễn Đình H4 - Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Đường B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thu U: Luật sư Nguyễn Đình H4 - Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Đường B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Mạnh C1: Luật sư Lê Xuân Anh P - Công ty L2 và Cộng sự; địa chỉ: Đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Cảnh H5 - Sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 (chồng của U) là bạn của nhau và là những người sử dụng ma túy loại Methamphetamine (còn gọi là ma túy Đá). Vào khoảng 15 giờ ngày 21/12/2024, C cùng Nguyễn Cảnh H5 ngồi ăn, uống tại quán ven đường V, xã H, thành phố B. Tại đây, C rủ H5 sử dụng ma túy đá, thì H5 đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, C sử dụng điện thoại di động của C, gõ sim số 09474142xx đăng nhập vào tài khoản Zalo của C có tên “Quachthichi” liên hệ đến tài khoản Zalo của U có tên “Buiuyen” rủ U đến quán để ăn, uống thì U đồng ý, sau đó một mình đi đến chỗ C. Tại đây, C nói với U là “Lâu ngày buồn quá, làm tý không”, U hiểu ý là C rủ U mua ma túy đá về để cùng sử dụng, thì U đồng ý. Lúc này, C đưa cho U 300.000 đồng cùng xe mô tô gắn biển số 55X1 – 48xx để U đi mua ma túy và U điều khiển xe mô tô trên một mình đi đến khu vực nghĩa trang C2 ở đường P, phường T, thành phố B và mua được 01 gói ma túy đá của một người nam giới (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 300.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy, U thông báo cho C biết đã mua được ma túy rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Khi về đến nhà, Bùi Mạnh C1 hỏi U: “Chi đâu mà đi xe Chi về một mình”, thì U nói lại với C1 là: “Đi lấy cái này”, thì C1 biết rõ C

mua ma túy đá về sử dụng và C1 nói với U là “Công an đang để ý đấy, chơi cẩn thận”. Một lúc sau, C điều khiển xe mô tô gắn biển số 47M1 - 499.xx của H5 và chở H5 đến nhà của U và C1. Tại đây, U lấy bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá của vợ chồng U, gồm: 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hờ (thường gọi là “Nỏ”); 01 một chai nước, bên ngoài có dán chữ STING, màu vàng, có nắp màu đỏ gắn một ống hút nhựa màu đen và 01 bật lửa, sau đó đi vào trong phòng ngủ rồi dùng kéo cắt gói ma túy đã bỏ vào trong “Nỏ”, sau đó U, C, C1 và H5 đốt hít ma túy đá vào cơ thể. Khi U, C, C1 và H5 vừa sử dụng ma túy xong thì bị Công an xã H, thành phố B phát hiện, bắt quả tang, tạm giữ niêm phong toàn bộ vật chứng, đồ vật theo quy định.

Qua điều tra, xác định căn nhà, đất tại địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do bị cáo Bùi Mạnh C1 đứng tên làm chủ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 31/01/2023, bị cáo C1 đã chuyển nhượng cho anh Trương Hữu N (sinh năm 1994; trú tại: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Tuy nhiên, anh N chưa sử dụng mà cho hai vợ chồng bị cáo C1, U ở và quản lý căn nhà trên cho đến nay.

Tại bản Kết luận giám định số 69/KL-KTHS, ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

- Chất rắn màu trắng bám dính bên trong 01 miếng nylon hình tam giác được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, vì lượng chất bám dính ít không xác định được khối lượng.

- Chất rắn màu trắng bám dính bên trong 01 ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, vì lượng chất bám dính ít không xác định được khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 126/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Xe mô tô biển số 47M1 - 499.xx, số khung: RLCUE1340HY032028 không thay đổi, số máy E3S1E-065034 không thay đổi, biển số 47M1 - 499.xx là biển số thật; Xe mô tô biển số 55X1 - 48xx, số khung RLHJF1800AY148908 không thay đổi, số máy JF27E-0151840 không thay đổi, biển số 55X1 - 48xx là biển số thật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bích C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thu U 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Mạnh C1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2025 và ngày 06/5/2025, các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 đều có ý kiến bổ sung kháng cáo, với nội dung: Các bị cáo chỉ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bản án sơ thẩm tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, là không phù hợp với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều đã khai nhận việc mua ma túy và sử dụng ma túy tại nhà vợ chồng bị cáo Bùi Thị Thu U đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên. Đối với bị cáo Trần Thị Bích C khai anh Nguyễn Cảnh H5 là người rủ rê bị cáo sử dụng ma túy, sau đó bị cáo mới rủ bị cáo U mua ma túy về cùng sử dụng và anh H5 có chuyển khoản cho U số tiền 1.000.000 đồng để mua ma túy, nhưng U nói không trả tiền mua ma túy bằng chuyển khoản được nên bị cáo mới đưa cho cho U 300.000 đồng để mua ma túy và sau đó U có chuyển khoản lại tiền cho bị cáo 500.000 đồng; bị cáo C cho rằng anh H5 có rủ rê, đưa tiền bằng hình thức chuyển khoản để mua ma túy và cùng sử dụng, nhưng Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Cảnh H5 là không đúng và không công bằng.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội, nên ý kiến của các bị cáo cho rằng các bị cáo chỉ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, là không có cơ sở chấp nhận. Xét về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Trần Thị Bích C và Bùi Thị Thu U là 08 năm 06 tháng tù và đối với bị cáo Bùi Mạnh C1 08 năm tù là quá nghiêm khắc so với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C khai việc đối tượng Nguyễn Cảnh H5 là người rủ bị cáo C sử dụng ma túy và có chuyển khoản tiền cho bị cáo U, sau đó U có chuyển khoản tiền cho bị cáo C và bị cáo U cũng xác nhận nội dung này. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo C đều khai nhận bị cáo là người rủ rê bị cáo U và H5 sử dụng ma túy, bị cáo là người đưa tiền và phương tiện cho U để đi mua ma túy về sử dụng, đồng thời việc các bị cáo mua, sử dụng ma túy tại nhà của U như lời khai của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Do đó nội dung lời khai của bị cáo C và bị cáo U là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm có liên quan đến đối tượng Nguyễn Cảnh H5, nên đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của đối tượng H5, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố

tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích C và bị cáo Bùi Thị Thu U, mỗi bị cáo 07 năm 03 tháng tù; xử phạt bị cáo Bùi Mạnh C1 07 năm tù.

Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 đều cho rằng: Việc cấp sơ thẩm truy tố và xét xử đối với bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là chưa đủ căn cứ và không đúng, vì các bị cáo là người nghiện ma túy nên rủ nhau mua ma túy và cùng sử dụng chung với nhau, không có người chỉ huy và phân công vai trò của nhau, nên hành vi của các bị cáo chỉ là sử dụng trái phép chất ma túy và không đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; đối với hành vi sử dụng chất ma túy các bị cáo đã có quyết định xử phạt vi phạm hình chính, nhưng các bị cáo lại tiếp tục bị truy tố, xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là không đúng và trái pháp luật. Đồng thời, lời khai của bị cáo C và bị cáo U đều xác định đối tượng Nguyễn Cảnh H5 là người rủ bị cáo C sử dụng ma túy và có chuyển khoản tiền cho bị cáo U để mua ma túy nên vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối tượng Nguyễn Cảnh H5. Các Luật sư đều đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để làm rõ hành vi của các bị cáo và xem xét xử lý đối với đối tượng Nguyễn Cảnh H5.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Mạnh C1 bổ sung quan điểm bào chữa, với nội dung: Bị cáo C1 không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, vì bị cáo không có hành vi mua ma túy và cũng không chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy, nếu có thì hành vi của bị cáo chỉ là chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng căn nhà nơi sử dụng ma túy là nhà chung của vợ chồng bị cáo, nên bị cáo C1 không phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo C đã khai anh H5 là người rủ và chuyển khoản tiền nên cần xem xét có việc H5 chuyển khoản tiền cho U hay không. Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối tượng Nguyễn Cảnh H5, nên quan điểm của Viện kiểm sát chỉ kiến nghị xem xét hành vi của H5 là không phù hợp và bất lợi cho các bị cáo.

Các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm và đều đồng ý với quan điểm của các Luật sư bào chữa. Các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo là sử dụng trái phép chất ma túy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo.

Qua tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, các Luật sư bào chữa và các bị cáo đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trên. Các bị cáo nói lời sau cùng và đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ

án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/12/2024, trong lúc ngồi ăn, uống tại quán ven đường V, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), Trần Thị Bích C đã sử dụng điện thoại di động gọi cho Bùi Thị Thu U qua ứng dụng Zalo để rủ U đến. Khi U đến quán, C đã rủ U sử dụng ma túy đá thì U đồng ý và C đưa cho U số tiền 300.000 đồng và giao xe mô tô của mình cho U, để U đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, U đã thông báo cho C biết, thì C nói U về nhà trước và C sẽ đến sau. Khi về tới nhà, chồng của U là Bùi Mạnh C1 hỏi: “Chi đâu mà đi xe Chi về một mình”, U nói lại với C1 là: “Đi lấy cái này”, thì C1 biết rõ C và U mua ma túy đá về sử dụng và C1 đã nói với U “Công an đang để ý đây, chơi cẩn thận”. Một lúc sau, thì C cùng H5 đến nhà của U và C1. Tại đây, U vào lấy bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá đi vào trong phòng ngủ để sử dụng ma túy, sau đó U, C và H5 cùng vào phòng ngủ đốt hít ma túy đá vào cơ thể. C1 thấy U, C và H5 cùng vào phòng ngủ sử dụng ma túy, nên một lúc sau C1 cũng vào cùng sử dụng ma túy đá. Sau khi các bị cáo C, U, C1 và đối tượng Nguyễn Cảnh H5 đã sử dụng xong ma túy thì các bị cáo bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Như vậy, bị cáo Trần Thị Bích C là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Bùi Thị Thu U sử dụng ma túy, đồng thời, bị cáo C đã đưa tiền và phương tiện (xe mô tô của mình) cho bị cáo U đi mua ma túy và rủ Nguyễn Cảnh H5 đến nhà U để cùng sử dụng ma túy. Bị cáo Bùi Thị Thu U là người đi mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy của vợ chồng bị cáo và sử dụng nơi ở của mình để cùng sử dụng ma túy. Đối với bị cáo Bùi Mạnh C1 biết việc U và C mua ma túy và biết các bị cáo U, C và đối tượng Nguyễn Cảnh H5 sẽ dùng dụng cụ sử dụng ma túy của vợ chồng bị cáo và cùng sử dụng ma túy tại địa điểm là nhà ở do mình đang quản lý, nhưng bị cáo không ngăn cản mà vẫn đồng ý để cho các bị cáo C, U và đối tượng H5 cùng sử dụng ma túy tại nơi ở của mình, đồng thời bị cáo cũng tham gia vào việc sử dụng chất ma túy, nên bị cáo C1 đã đồng phạm với các bị cáo U và C. Do đó hành vi của các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Đối với ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ là sử dụng chất ma túy và không phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, xét thấy: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy không đồng nhất với khái niệm “Phạm tội có tổ chức”; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện; cung cấp ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ... để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy; trong tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” cũng có đồng phạm và không đòi hỏi có sự câu kết chặt

chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không bắt buộc phải có sự phân công, chỉ đạo, điều hành chặt chẽ trong các đồng phạm. Như đã nhận định ở mục [1] ở trên, hành vi của các bị cáo C, U và C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Do đó quan điểm bào chữa của các Luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với đối tượng Nguyễn Cảnh H5: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Bích C khai Nguyễn Cảnh H5 là người rủ rê bị cáo sử dụng ma túy trước, sau đó bị cáo mới rủ bị cáo U mua ma túy về cùng sử dụng và anh H5 có chuyển khoản tiền cho U để mua ma túy. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo C đều khai nhận bị cáo là người rủ rê H5 và bị cáo U sử dụng ma túy và là người đưa tiền, phương tiện cho U để đi mua ma túy về sử dụng, đồng thời việc các bị cáo mua ma túy và lời khai của các bị cáo C là phù hợp với lời khai của Nguyễn Cảnh H5 và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Bị cáo C cho rằng lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do được Điều tra viên hướng dẫn khai như vậy để không liên quan đến H5, nhưng bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh; mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm thì bị cáo C vẫn khai bị cáo là người rủ H5 và U sử dụng ma túy và bị cáo đưa tiền cho U để đi mua ma túy. Như vậy, Nguyễn Cảnh H5 là người đi chơi cùng với bị cáo C, được bị cáo C rủ rê và có tham gia sử dụng ma túy tại nhà của các bị cáo U, C1, đối tượng H5 chỉ có hành vi sử dụng ma túy và không tham gia vào việc mua ma túy cũng như chuẩn bị công cụ, phương tiện để sử dụng ma túy và không có một trong các hành vi của tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Đồng thời như đã nhận định ở trên, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Do đó, quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung lời khai của bị cáo C và bị cáo U tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Nguyễn Cảnh H5 có chuyển khoản tiền cho bị cáo U và sau đó Uyển chuyển khoản tiền cho bị cáo C, đây là tình tiết phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm có liên quan đến đối tượng Nguyễn Cảnh H5. Về các nội dung liên quan đến hành vi của đối tượng Nguyễn Cảnh H5, Hội đồng xét xử cần kiến nghị Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh có việc H5 chuyển khoản tiền cho bị cáo U và U có chuyển khoản tiền cho bị cáo C vào tối ngày 21/12/2024 hay không và điều tra làm rõ H5 có khởi xướng, rủ rê bị cáo C sử dụng ma túy như nội dung bị cáo C đã khai tại phiên tòa phúc thẩm hay không?. Qua điều tra, nếu có căn cứ thì tiếp tục xử lý hành vi của Nguyễn Cảnh H5 theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1, xét thấy: Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Trần Thị Bích C và Bùi Thị Thu U, mỗi bị cáo 08 năm 06 tháng tù và mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Mạnh C1 08 năm tù, là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về diễn biến hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu

số, nên hiểu biết pháp luật có phần còn hạn chế, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, là phù hợp.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1; sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk), về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

[2] Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.1] Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Bích C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024.

[2.2] Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị Thu U 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024.

[2.3] Xử phạt: Bị cáo **Bùi Mạnh C1 (tên gọi khác: Đ) 07 (bảy) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/12/2024.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị Bích C, Bùi Thị Thu U và Bùi Mạnh C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh và điều tra làm rõ hành vi của đối tượng Nguyễn Cảnh H5, nếu có căn cứ xác định Nguyễn Cảnh H5 có hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì đề nghị xử lý Nguyễn Cảnh H5 theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phân Trại TG khu vực 15- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình